

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 19-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính;

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2023/QĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Mỹ H, sinh năm 1965 (xin vắng).

Địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1977 (vắng) và bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 6, thị t, huyện N, tỉnh C ..

Nơi ở: Khóm 7, thị t, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/4/2022 dương lịch, bà H có vay tiền của người khác để cho vợ chồng ông D bà T vay lại số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa thuận. Để làm tin, vợ chồng ông D có giao cho bà H 01 giấy chuyển nhượng đất và ký

nhận nợ số tiền trên; đồng thời hứa hẹn một thời gian ngắn sẽ thế chấp ngân hàng để trả lại tiền nhưng đến nay không thực hiện. Nguồn gốc số tiền này là bà H hỏi vay lại từ người khác nhưng do vợ chồng ông D bà T không thực hiện việc trả nợ nên bà H đã vay mượn để có đủ số tiền và đã trả cho người khác xong.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông D và bà T chịu trách nhiệm thanh toán số tiền vay 300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 28/4/2022 cho đến nay theo quy định pháp luật.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/02/2023, đơn trình bày ý kiến ngày 09/02/2024 bị đơn bà Phan Thị Thanh T trình bày:

Vợ chồng ông D bà T có nhờ bà H vay giùm số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 9%/tháng, vợ chồng ông D bà T có đóng lãi và thay đổi nhiều biên nhận như sau: Biên nhận đầu tiên vay bà H là vào ngày 04/12/2020 dương lịch thể hiện mượn chị H số tiền là 300.000.000 đồng, nhưng tính lãi suất thỏa thuận miệng là 9%/tháng. Vợ chồng ông D bà T đã đóng mỗi tháng tiền lãi là 27.000.000 đồng đến ngày 30/9/2021 dương lịch. Do chưa trả được khoản nợ gốc nên bà H yêu cầu bà T viết lại biên nhận mới là mượn bà H số tiền 300.000.000 đồng ngày 30/9/2021 dương lịch. Vợ chồng ông D bà T tiếp tục đóng lãi mỗi tháng 27.000.000 đồng đến tháng 01/2022 dương lịch. Đến tháng 2/2022 dương lịch vợ chồng ông D bà T trả gốc 10.000.000 đồng là trừ vào số tiền hui bà H nợ 15.000.000 đồng, thể hiện bằng tin nhắn ngày 21/02/2022 “15000 – 5000 = còn 10000” nhưng bà H không trừ 10.000.000 đồng trong biên nhận. Từ tháng 2/2022 dương lịch vợ chồng ông D bà T đóng lãi là 26.100.000 đồng đến tháng 9/2022 dương lịch. Từ tháng 1/2021 dương lịch đến tháng 1/2022 dương lịch, vợ chồng ông D và bà T đã đóng tiền lãi tổng cộng 351.000.000 đồng (mỗi tháng 27.000.000 đồng). Từ tháng 2/2022 đến tháng 9/2022 dương lịch đóng lãi 208.800.000 đồng (mỗi tháng đóng 26.100.000 đồng). Tổng cộng số tiền lãi từ tháng 1/2021 đến tháng 9/2022 dương lịch là 559.800.000 đồng. Nợ gốc còn lại là 290.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại Cơ quan Điều tra Công an huyện Năm Căn, bà T khai nhận lãi suất là 8%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại các biên bản lấy lời khai tại Cơ quan Điều tra Công an huyện Năm Căn, bị đơn ông Trần Văn D thừa nhận vợ chồng ông D bà T có nhờ bà H vay giùm số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng. Nay bà H khởi kiện thì đồng ý nhưng đề nghị **Tòa án xem xét lại mức lãi suất nhà nước đối với khoản vay và lãi đã đóng từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2022 để căn trừ đối với khoản nợ gốc, còn thiếu bao nhiêu thì sẽ thanh toán đúng quy định.**

Tại phiên tòa:

Bà T thay đổi lời khai đã khai nhận tại Cơ quan Điều tra Công an huyện Năm Căn, thay đổi mức lãi suất từ 8% thành 9%, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại mức lãi suất nhà nước đối với khoản vay và lãi đã đóng từ tháng 01/2021 đến tháng 9/2022 để cân trừ đối với khoản nợ gốc, còn thiếu bao nhiêu thì sẽ thanh toán đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn D và bà Phan Thị Thanh T trả vốn gốc 300.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 29.9.2022 đến ngày xét xử 19/4/2024 là 561 ngày; 01 ngày = $(10\%/12 \text{ tháng} \times 300.000.000 \text{ đồng})/30 = 83,333 \text{ đồng} \times 561 \text{ ngày} = 46.749.000 \text{ đồng}$; tổng số tiền vợ chồng ông D và bà T phải trả cho nguyên đơn là 346.749.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên ông D và bà T phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Mỹ H khởi kiện vợ chồng ông Trần Văn D và bà Phan Thị Thanh T để đòi lại tiền cho vay còn nợ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn - bà Trần Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - ông Trần Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không lý do nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà H và ông D.

Ngày 24/7/2023, Tòa án đã chuyển hồ sơ qua Công an huyện Năm Căn để điều tra theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn. Ngày 01/02/2024, Công an huyện Năm Căn ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự do không có dấu hiệu của tội Cho vay nặng lãi, nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo trình tự tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Bà H yêu cầu ông D và bà T thanh toán tiền vốn vay 300.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 28/4/2022 (ngày theo biên nhận), ông D và bà T thừa nhận có nhờ bà H vay giùm 300.000.000 đồng, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, vợ chồng ông D và bà T có vay vốn bà H 300.000.000 đồng là thực tế có xảy ra.

Bà Tuyên xác định đã thanh toán cho bà Hạnh số tiền 10 triệu đồng từ tiền hụi, chỉ còn nợ lại 290.000.00 đồng tiền vốn vay, bà Hạnh không đồng ý đã nhận 10 triệu đồng tiền gốc. Về lãi suất: Bà H xác định lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, từ ngày vay là ngày 28/4/2022 đến nay vợ chồng ông D và bà T chưa thanh toán nên yêu cầu vợ chồng ông D và bà T trả khoản tiền lãi theo thỏa thuận từ ngày 28/4/2022 đến nay. Ông D xác nhận lãi 5%/tháng, bà T xác định vay tiền từ ngày 04/12/2020 dương lịch, đóng lãi 9%/tháng và đã đóng lãi được 559.800.000 đồng, trả gốc được 10.000.0000 đồng nên yêu cầu xem xét điều chỉnh lãi suất và cản trừ. Để chứng minh cho lời khai của mình thì ông D và bà T nộp cho Tòa án bản phô tô của các tin nhắn zalo, sms, 1 usb kèm văn bản diễn giải và 02 biên nhận phô tô đề ngày 04/12/2020, ngày 30/9/2021. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thời gian vay: Nguyên đơn khởi kiện hợp đồng vay vào ngày 28/4/2022 dương lịch và yêu cầu tính lãi, đã cung cấp biên nhận (bút lục số 01) có chữ ký và chữ viết tên được bị đơn thừa nhận. Bị đơn xác định thời gian vay bắt đầu từ ngày 04/12/2020 nhưng chỉ cung cấp được biên nhận có chữ ký và chữ viết của bị đơn, không có chữ ký và viết của người cho vay là phía nguyên đơn trên biên nhận, nguyên đơn cũng không thừa nhận các biên nhận này. Như vậy, hai biên nhận ngày 04/12/2020 và ngày 30/9/2021 là không có cơ sở để chấp nhận và không có tài liệu nào khác chứng minh mốc thời gian cho vay từ ngày 04/12/2020 như lời trình bày của bị đơn nên Hội đồng xét xử xác định mốc thời gian cho vay tính từ ngày 28/4/2022 dương lịch là phù hợp.

- Về vốn gốc: Trong vụ án này, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về tranh hợp đồng vay tài sản, bị đơn có ý kiến phản hồi về việc nguyên đơn nợ tiền hụi chết 10 triệu đồng và yêu cầu đối trừ nhưng bị đơn không thực hiện thủ tục về yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, nguyên đơn cũng không thừa nhận còn nợ tiền hụi bị đơn. Bị đơn cũng không cung cấp được các tài liệu chứng minh cho việc nợ hụi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về tranh chấp hụi trong vụ án này là có cơ sở và vẫn bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bị đơn vì có thể khởi kiện bằng vụ án khác. Như vậy, căn cứ vào lời khai và các chứng cứ trong vụ án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thanh toán số tiền vốn vay 300.000.000 đồng đối với bị đơn là có cơ sở.

- Về số tiền lãi đã thanh toán: Bị đơn cung cấp các tin nhắn zalo, sms, 1 usb ghi âm để chứng minh thời gian bắt đầu vay và số tiền lãi đã đóng nhưng trong các nội dung tin nhắn và nội dung ghi âm chưa thể hiện cụ thể mốc thời gian chính xác của giao dịch tiền vay, chưa xác định rõ số tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn cũng như không thể hiện được việc nguyên đơn đã thực sự nhận tiền lãi từ bị đơn số tiền bao nhiêu. Mặt khác, trong đoạn tin nhắn và lời thoại trong ghi âm có thể hiện một số khoản tiền khác gồm “*tiền hụi, tiền tôm khô ...*”, nội dung này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn về việc giữa các bên không chỉ có giao dịch tiền vay mà còn nhiều giao dịch khác như chơi hụi và tiền mua bán nên số tiền các bên giao dịch không thể xác định toàn bộ là tiền lãi vay.

Theo Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, tại khoản 2 quy định “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và tại khoản 4 quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, các tài liệu bị đơn cung cấp là chưa đủ cơ sở để chứng minh mốc thời gian đóng lãi cũng như số tiền lãi bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bị đơn về số tiền lãi đã thanh toán.

- Về mức lãi suất áp dụng:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ tháng 4/2022 đến ngày xét xử. Bà T đề nghị tính lãi suất từ tháng 9/2022 đến nay với mức 10%/năm.

Xét, tại biên nhận ngày 28/4/2022, nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả lãi nhưng tại Bản Kết luận giám định số 7322/KI-KTHS ngày 29/12/2023 của phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, xác định giọng nói trong đoạn ghi âm là của bà Trần Mỹ H, từ 08:29 đến 09:17 thể hiện: “*Hạnh: một lần, hai lần gì đó; Nam: Một lần; Hạnh: Tại vì cái lần này á là tháng 4 năm 22; Nghĩa là lần cuối là tháng 4 năm 2022; Hạnh: ừ; Nam: là cái miếng, cái lần đó mượn; Hạnh: Cái miếng giấy nợ đó là thằng Đô viết đó; Nam: À còn nữa he, à còn là; Hạnh: Có nói là tháng 4 năm 22; Nam: à tháng 4, hiện nay vợ em nó thiếu tháng mấy; Hạnh: hình như tháng rồi đó, tháng này chị vay 27 triệu trả đó; Nam: năm, sáu, bảy, tám chín; Hạnh: tháng rồi chị; Nam: tháng 10 chưa đóng; Hạnh: Chưa đó, 27 triệu đó;....*”. Từ đó xác định đoạn ghi âm phù hợp với biên nhận nợ ngày 28/4/2022, phù hợp với lời khai của bà T và ông D là đã đóng lãi đến tháng 09/2022 nên có căn cứ xác định bị đơn đã trả lãi suất đến

tháng 28/09/2022. Do đó buộc vợ chồng ông D trả lãi theo từ ngày 29.9.2022 đến ngày xét xử 19/4/2024 là 561 ngày.

Nguyên đơn xác định lãi suất cho vay là 5%/tháng, bị đơn ông D xác định lãi suất là 5%, bị đơn bà T xác định lãi suất cho vay là 8% - 9%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất các bên đã nêu đều vượt mức lãi suất cao nhất mà pháp luật cho phép nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi suất nên được điều chỉnh cho phù hợp, cụ thể tính ngày đến ngày xét xử à: $300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 561 \text{ ngày} = 46.749.000 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn Đô và bà Phan Thị Thanh Tuyền có trách nhiệm liên đới thanh toán khoản vay gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 19/4/2024 là 346.749.000 đồng (trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng và lãi là 46.749.000 đồng).

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Trần Văn Đô và bà Phan Thị Thanh Tuyền phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Mỹ Hạnh được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia Đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Chấp nhận khởi kiện của bà Trần Mỹ H về việc yêu cầu ông Trần Văn D và bà Phan Thị Thanh T liên đới thanh toán tiền vay. Buộc vợ chồng ông Trần Văn D và bà Phan Thị Thanh T liên đới thanh toán cho bà Trần Mỹ H tổng số tiền tính đến ngày xét xử ngày 19/4/2024 là 346.749.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn đồng).**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Trần Văn D và bà Phan Thị Thanh T liên đới chịu 17.337.450 đồng.

- Bà Trần Mỹ H được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã dự nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015951 ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Bà Phan Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Mỹ H, ông Trần Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh